TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 932/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06/9/2019
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

****

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Châu**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Võ Hoàng Thu.
2- Bà Nguyễn Thị Ngọc T.

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Tâm**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Phan Mỹ Dung -Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019 vụ án về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 221/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 202/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Huỳnh Thị T**; Sinh năm: 1972.
Địa chỉ: Ấp 1 xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn*: Ông **Ngụy Khánh P**, Sinh năm: 1972.
Địa chỉ: Ấp 1 xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị T trình bày:

Bà và ông Ngụy Khánh P chung sống với nhau vào năm 2014 do hai bên tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 24/6/2014. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì P sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xung đột cãi vả, ông P ghen tuông mù quáng, nhiều lần xúc phạm đến bà. Bà đã cho ông P rất nhiều cơ hội để sửa chữa nhưng ông P vẫn không thay đổi. Trước khi nộp đơn ly hôn, bà và ông P cũng đã sống ly thân với nhau được một thời gian. Nay bà yêu cầu Tòa án cho bà ly hôn với ông P để trả tự do cho nhau, ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà xác định trong quá trình chung sống, bà và ông P không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà xác định quá trình chung sống bà và ông P không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Ngụy Khánh P vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên toà có ý kiến như sau: Trong quá trình điều tra, thu thập chứng cứ Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị T. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Huỳnh Thị T và ông Ngụy Khánh P chung sống với nhau năm 2014, do hai bên tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 24/6/2014. Do cuộc sống chung không hạnh phúc nên bà T yêu cầu ly hôn với ông P. Đây là tranh chấp về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện Bình Chánh, theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1

Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh có thẩm quyền giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã thực hiện các thủ tục tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Ngụy Khánh P. Tại phiên tòa hôm nay ông P vẫn vắng mặt. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông P là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2.1] Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 57, Quyển số: 01/2014 thì bà Huỳnh Thị T và ông Ngụy Khánh P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 24/6/2014 (Số 01/2014).

Theo lời trình bày của bà T thì bà và ông P đã sống ly thân với nhau. Thời gian ly thân, bà đã suy nghĩ nghiêm túc, cặn kẽ và cũng mong có cơ hội hàn gắn với ông P. Tuy nhiên, cả hai đã không còn thương yêu nhau nữa, mỗi bên đều đã có cuộc sống riêng do đó bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn.

Trên cơ sở yêu cầu của Tòa án, Ủy ban nhân dân xã T, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh có văn bản cho biết không nắm được thông tin về tình trạng hôn nhân của bà T và ông P.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông P vắng mặt, không thể hiện có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà T, điều này cho thấy ông P không có thiện chí hàn gắn, không muốn gia đình được đoàn tụ. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông P là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà T xác định quá trình chung sống, bà và ông P không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định quá trình chung sống, bà và ông P không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[3]. Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Thị T đối với ông Ngụy Khánh P. Bà Huỳnh Thị T được ly hôn với ông Ngụy Khánh P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 57, Quyển số: 01/2014 ngày 24/6/2014 (Số 01/2014) đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà T xác định quá trình chung sống, bà và ông P không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định quá trình chung sống, bà và ông P không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0046426 ngày 27/3/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Châu

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút ngày 06/9/2019.

Tại Phòng nghị án Toà án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hội đồng xét xử với thành phần gồm có:

- Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Châu.

- Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Võ Hoàng Thu.
2- Bà Nguyễn Thị Ngọc T.

Đã nghị án về vụ án "Tranh chấp ly hôn" theo hồ sơ thụ lý số 258/2019/TLST-HNGĐ ngày 08/4/2019, nguyên đơn bà Huỳnh Thị T, bị đơn ông Ngụy Khánh P.

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và sự trình bày, tranh luận và xác nhận của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thảo luận và quyết định với tỉ lệ biểu quyết 3/3 những vấn đề sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Thị T đối với ông Ngụy Khánh P. Bà Huỳnh Thị T được ly hôn với ông Ngụy Khánh P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 57, Quyển số: 01/2014 ngày 24/6/2014 (Số 01/2014) đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà T xác định quá trình chung sống, bà và ông P không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định quá trình chung sống, bà và ông P không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0046426 ngày 27/3/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Buổi nghị án kết thúc lúc giờ phút cùng ngày.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA